

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ NGÀ

**PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ
TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN
AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ DÂN

Phản biện 1: TS. Trần Phước Trữ

Phản biện 2: TS. Trần Thị Bích Hạnh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22. tháng 10 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến đáng kể với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ. Tỷ trọng khu vực công nghiệp tăng cao trong tổng sản phẩm xã hội. Tỷ trọng khu vực dịch vụ ngày càng phát triển vì đây là ngành quyết định mức sống và thực trạng đời sống của người lao động. Tỷ trọng của các ngành nông-lâm-ngư nghiệp chiếm tỷ lệ thấp hơn trong tổng sản phẩm xã hội. Hòa mình vào xu hướng chung của đất nước, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định từng bước phát triển đáng kể về kinh tế đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp.

An Nhơn là một Thị xã đồng bằng và nằm về phía nam của tỉnh Bình Định. Những năm qua kinh tế của Thị xã tiếp tục tăng trưởng, tổng giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm là 14%, xấp xỉ đạt mức kế hoạch đề ra, tăng 4,56% so với năm trước. Đến cuối năm 2013 thu nhập bình quân đầu người của huyện đạt 21,7 triệu đồng/năm tăng 6,1 triệu đồng so năm 2010, Thị xã không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,57%. Thu nhập bình quân toàn Thị xã năm 2013 ước đạt 24,2 triệu đồng/người, tăng 8,3 triệu đồng so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Tỷ trọng nông nghiệp giảm còn 25,2%; CN-TTCN, giao thông vận tải, thương nghiệp và dịch vụ đạt 74,8% tăng 6,8% so với năm 2010. Tuy tỷ trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế đã giảm, nhưng vẫn còn chiếm $\frac{1}{4}$ nền kinh tế, đồng thời tỷ lệ lao động trong nông nghiệp vẫn còn khá lớn. Do đó, phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp sẽ tạo điều kiện phát triển toàn diện kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng của nông nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho

người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của Thị xã. Đây cũng chính là hướng đi tích cực để góp phần hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Xuất phát từ lý do trên tôi xin chọn đề tài “***Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định***” để làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài tập trung vào nghiên cứu 3 mục tiêu cơ bản sau đây:

- Làm rõ được cơ sở lý thuyết về phát triển CN-TTCN.
- Đánh giá được tình hình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Thị xã.
- Kiến nghị được các giải pháp phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tình hình phát triển CN-TTCN

* Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: nghiên cứu những vấn đề phát triển CN-TTCN

- Về không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu về tình hình phát triển CN-TTCN ở thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu tình hình phát triển của CN-TTCN thị xã An Nhơn giai đoạn 2009-2013.

4. Phương pháp nghiên cứu

* Phương pháp tiếp cận

Từ thực tiễn vấn đề nghiên cứu kiểm nghiệm với lý thuyết để phân tích, đánh giá vấn đề từ đó đưa ra giải pháp.

* Phương pháp phân tích, đánh giá

Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích thống kê

Phương pháp so sánh, đánh giá

Phương pháp tổng hợp

* Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp: từ phòng thống kê thị xã An Nhơn, Niên giám Thống kê thị xã An Nhơn, Niên giám Thống kê tỉnh Bình Định.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo..., Đề tài nghiên cứu gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển CN-TTCN

Chương 2: Tình hình phát triển CN-TTCN thị xã An Nhơn trong thời gian qua.

Chương 3: Giải pháp phát triển CN-TTCN thị xã An Nhơn

6. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN

CÔNG NGHIỆP TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp, theo nghĩa rộng của kinh tế học, là hoạt động kinh tế quy mô lớn, sản phẩm (có thể là phi vật thể) tạo ra trở thành hàng hóa. Như vậy công nghiệp nghĩa chung bao gồm cả dịch vụ. Công nghiệp, theo nghĩa hẹp là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất

mà sản phẩm được "chế tạo, chế biến" phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ công nghệ, khoa học và kỹ thuật

Công nghiệp gồm 3 hoạt động chủ yếu:

+ Khai thác tài nguyên thiên nhiên tạo ra nguồn nguyên liệu nguyên thủy - công nghiệp khai thác.

+ Sản xuất và chế biến sản phẩm của công nghiệp khai thác và của nông nghiệp thành nhiều loại sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khác nhau của xã hội - công nghiệp chế biến.

+ Khôi phục giá trị sử dụng của sản phẩm được tiêu dùng trong quá trình sản xuất và sinh hoạt công nghiệp - công nghiệp sửa chữa.

1.1.2. Khái niệm về tiểu thủ công nghiệp

Theo các nhà Kinh tế học Liên Xô cũ thì: “tiểu thủ công nghiệp là sản xuất thủ công sử dụng lao động thô sơ chế biến nguyên liệu thành sản phẩm”.

Tiểu thủ công nghiệp là ngành công nghiệp mà sản phẩm làm ra chủ yếu bằng thủ công với quy mô nhỏ. Ở đó, hệ thống công cụ lao động thô sơ đã được cải tiến và thay thế bằng một phần máy móc mang tính chất công nghiệp có quy mô nhỏ(bao gồm các hộ, cơ sở sản xuất mang tính chất công nghiệp quy mô nhỏ, trang bị máy móc hoặc thủ công).

1.1.3. Phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Phát triển CN-TTCN được hiểu là quá trình lớn lên cả về mặt lượng và sự thay đổi về mặt chất. Về mặt lượng thể hiện ở sự gia tăng qui mô các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, kỹ thuật, số lượng cơ sở sản xuất...từ đó gia tăng kết quả đầu ra của lĩnh vực CN-TTCN. Về mặt chất thể hiện ở việc sử dụng có hiệu quả các yếu tố nguồn lực,

gia tăng mức đóng góp của CN-TTCN trong cơ cấu giá trị sản phẩm, thu nhập người lao động ngày càng tăng...

1.1.4. Vị trí vai trò của Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

**** Vị trí của công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp***

- Khu vực CN-TTCN là một trong những khu vực sản xuất vật chất có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân:

- Khu vực CN-TTCN là một bộ phận hợp thành cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ do những đặc điểm vốn có của nó.

- Mục tiêu cuối cùng của nền sản xuất xã hội là tạo ra sản phẩm phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của con người.

- Sự phát triển của Khu vực CN-TTCN là một yếu tố có tính chất quyết định để thực hiện quá trình CNH-HĐH toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

**** Vai trò của CN-TTCN***

- Phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH ở nông thôn nước ta hiện nay. Góp phần phát triển nông nghiệp.

- Góp phần hỗ trợ và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- Mở ra nhiều cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, nâng cao đời sống cho dân cư ở nông thôn.

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ tính thuần nông sang cơ cấu kinh tế nông-công-dịch vụ, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng lên trong GDP.

1.2. NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển về số lượng cơ sở sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Phát triển về số lượng cơ sở sản xuất là một trong những tiêu chí để nghiên cứu, đánh giá sự phát triển của CN-TTCN. Phát triển CN-TTCN phải có sự tăng trưởng, nghĩa là sự gia tăng về số lượng cơ sở sản xuất cũng như tốc độ tăng trưởng của các cơ sở CN-TTCN ngày càng tăng.

Số lượng cơ sở sản xuất ngày càng tăng chứng tỏ quy mô của CN-TTCN ngày càng mở rộng. Không chỉ tăng về số lượng cơ sở đăng kí kinh doanh mà phải được thể hiện bằng sự tăng lên về số lượng cơ sở sản xuất, hoạt động thực tế trên thị trường và chỉ có như vậy mới đánh giá đúng thực tế tình hình phát triển về số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN. Nhìn chung, sự phát triển về cơ sở sản xuất CN-TTCN phải phù hợp với tình hình, xu hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Phát triển số lượng cơ sở trong khu vực CN-TTCN phải được tiến hành cùng với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các cơ sở đó. Bởi vì, CN-TTCN đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức rất lớn đó là sự gia tăng cạnh tranh không chỉ trên thị trường xuất khẩu mà ngay cả trên thị trường nội địa. Do vậy, chỉ có nâng cao năng lực cạnh tranh thì các cơ sở sản xuất CN-TTCN mới có thể đứng vững trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập mạnh mẽ như hiện nay.

Sự phát triển về số lượng cơ sở phải được kiểm chứng thông qua kết quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở CN-TTCN, sự gia tăng giá trị sản xuất CN-TTCN trong cơ cấu kinh tế của thị xã

1.2.2. Bảo đảm nguồn lực cho sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Theo lý thuyết Kinh tế học, các nguồn lực ở đây bao gồm: vốn, lao động, hệ thống cơ sở vật chất (thiết bị, công nghệ...) Do đó, khi

quy mô của các cơ sở sản xuất tăng lên đòi hỏi phải mở rộng quy mô các yếu tố nguồn lực. Điều này có thể được hiểu là làm cho các yếu tố về lao động, vốn, hệ thống cơ sở vật chất của các cơ sở CN-TTCN ngày càng tăng lên. Lao động và nguồn vốn là hai yếu tố đầu vào cơ bản đối với sự tồn tại và phát triển của các cơ sở sản xuất. Việc gia tăng các yếu tố đó sẽ thể hiện sự phát triển của CN-TTCN.

Lao động là một trong những yếu tố quan trọng không thể thiếu được đối với sự phát triển của CN-TTCN. Quy mô lực lượng lao động trong khu vực CN-TTCN càng lớn thể hiện quy mô, số lượng lao động của khu vực này ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, giá trị đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế càng tăng. Năng lực, trình độ tay nghề, trình độ quản lý của người lao động càng cao thì sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của CN-TTCN.

Trong khi đó vốn và công nghệ là yếu tố quyết định phát triển vững chắc của ngành CN-TTCN

Vốn sản xuất kinh doanh là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của tất cả các cơ sở CN-TTCN. Vốn là yếu tố tiên quyết quyết định sự hình thành và phát triển của CN-TTCN. Sự tăng lên về vốn chứng tỏ quy mô của CN-TTCN ngày càng phát triển.

Vốn đầu tư của cơ sở CN-TTCN là vốn cho xây dựng, cho máy móc thiết bị...(vốn cố định) và vốn lưu động. Sự tăng lên về vốn chứng tỏ CN-TTCN có sự phát triển. Tuy nhiên, để đánh giá đúng sự phát triển này chúng ta cần phải xem xét cả về mặt lượng lẫn mặt chất, tức sự gia tăng quy mô vốn đầu tư và hiệu quả mà sự gia tăng vốn này mang lại.

Các nguồn lực: lao động, vốn ở các vùng miền, đặc biệt là nông thôn thường nhỏ lẻ, phân tán. Vì vậy, khả năng khai thác ở mỗi

vùng sẽ khác nhau. Các nguồn tài nguyên, lợi thế so sánh của địa phương cũng chỉ nằm ở dạng tiềm năng. Khi phát triển CN-TTCN, do nó có sự tăng lên về quy mô, dễ dàng chuyển hướng kinh doanh nên các nguồn lực này sẽ được sử dụng nhiều hơn phục vụ tốt hơn cho nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Chính sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến, các ngành tiểu thủ công nghiệp đã cho phép nâng cao giá trị của các tài nguyên tự nhiên: nông, lâm, thủy sản.

Mặt bằng sản xuất kinh doanh là một trong những yếu tố thúc đẩy CN-TTCN phát triển. Các cơ sở CN-TTCN thường sử dụng chính diện tích đất của mình làm mặt bằng sản xuất, do vậy sẽ rất khó khăn khi mở rộng quy mô sản xuất. Việc tiếp cận quyền sử dụng đất, sử dụng đất làm mặt bằng kinh doanh nếu gặp nhiều thuận lợi sẽ tạo cơ hội cho các cơ sở CN-TTCN có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất.

Về công nghệ, kỹ thuật, máy móc thiết bị, hầu hết các nhà kinh tế đều cho rằng nó có vai trò, tác dụng rất lớn đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nói chung và CN-TTCN nói riêng. Bởi vì, khi áp dụng công nghệ và kỹ thuật, máy móc thiết bị hiện đại vào sản xuất sẽ nhanh chóng nâng cao trình độ của sản xuất. Trước đây, các cơ sở sản xuất đồ gỗ của Bình Định sản xuất bằng thủ công nên năng suất rất thấp. Nhờ đổi mới công nghệ, kỹ thuật, máy móc thiết bị hiện đại, hiện nay các công đoạn cưa, xẻ, đục, chạm trổ, đánh bóng được dùng hệ thống cơ giới hóa, tự động hóa nên độ chính xác, tính thẩm mỹ và năng suất cao; trước đây làm nhang bằng tay, năng suất rất thấp, giờ làm bằng máy móc, công nghệ đã cho năng suất cao gấp nhiều lần... Như vậy, việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã có tác dụng rất lớn trong việc tăng năng suất lao động.

1.2.3. Hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh

Khu vực CN-TTCN có nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh

doanh nhưng chủ yếu là: hộ gia đình sản xuất CN-TTCN; hợp tác xã; các xí nghiệp, các công ty trách nhiệm hữu hạn; trong đó ở các Thị xã nông nghiệp, khu vực nông thôn thì hộ gia đình vẫn chiếm đa số về lao động và cơ sở sản xuất, số lượng loại hình tổ chức doanh nghiệp và hợp tác xã chiếm tỷ lệ nhỏ hơn.

Để khu vực CN-TTCN có sự tăng trưởng và phát triển ổn định cần khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp CN-TTCN. Bởi vì, các hình thức hoạt động này có lợi thế là tính linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh. Đối với loại hình hợp tác xã có ưu điểm ở cơ chế huy động vốn và sự tham gia quản lý của người lao động nhưng lại hạn chế ở hiệu quả sản xuất kinh doanh do “cha chung không ai khóc”. Do vậy, trong quá trình phát triển của CN-TTCN việc phát triển loại hình hoạt động này cần căn cứ vào những điều kiện kinh doanh ở từng địa phương cụ thể.

1.2.4. Phát triển thị trường đầu ra của sản phẩm

Đối với các cơ sở sản xuất thì việc xác định thị trường đầu ra của sản phẩm là khâu vô cùng quan trọng, sự tồn tại của cơ sở sản xuất phụ thuộc vào việc hàng hoá của doanh nghiệp có bán được không.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chi phối các khâu nghiệp vụ khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải được diễn ra liên tục và nhịp nhàng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được đánh giá bởi nhiều nhân tố, trong đó tốc độ quay vòng của vốn phụ thuộc vào tốc độ tiêu thụ của sản phẩm vì vậy nếu sản phẩm có thị trường tiêu thụ (hay có đầu ra) tốt thì làm cho vòng quay vốn giảm.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm tạo ra mối gắn kết giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất. Sản phẩm sản xuất ra bán được sẽ góp phần nâng cao uy tín của cơ sở củng cố vị trí và thế lực của doanh nghiệp trên thị trường.

Thị trường đầu ra của sản phẩm có thể là thị trường trong nước (thị trường địa phương, vùng lân cận...) và thị trường nước ngoài. Do vậy, thị trường đầu ra của sản phẩm không chỉ là thị trường địa phương, trong nước mà phải vươn ra nước ngoài. Bởi vì, quá trình phát triển của CN-TTCN cũng đồng thời với thị trường trong nước và thị trường nước ngoài thì trong quá trình đó sản phẩm của thị trường nước ngoài cùng xâm nhập vào thị trường trong nước đòi hỏi sản phẩm của CN-TTCN phải cạnh tranh quyết liệt và có hiệu quả hơn, chính điều này tạo điều kiện kích thích cho CN-TTCN phát triển.

1.2.5. Gia tăng giá trị đóng góp của Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Giá trị đóng góp của CN-TTCN vào GDP được xác định dựa trên cơ sở quan hệ cung cầu về sản phẩm của CN-TTCN trên thị trường. Lượng giá trị này chính là điểm cân bằng giữa cung và cầu.

Khi giá trị của sản phẩm của CN-TTCN tăng lên thì nó sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện tiến sát đến cơ cấu kinh tế công nghiệp, xây dựng- nông nghiệp-dịch vụ. Sản xuất CN-TTCN phát triển sẽ giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao trình độ của người lao động. Từ đó phát huy được vai trò của CN-TTCN đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

1.3.2. Điều kiện kinh tế

1.3.3. Điều kiện xã hội

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ

CÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

2.1. ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.2. Điều kiện Dân số - Lao động

2.1.3. Điều kiện kinh tế

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

2.2.1. Tình hình về số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Qua hơn 3 năm triển khai thực hiện chương trình hành động của Thị xã ủy về phát triển CN-TTCN và làng nghề, hiện nay toàn Thị xã có 3.244 cơ sở sản xuất CN-TTCN đang hoạt động, tăng 286 cơ sở so với năm 2010. Xét về tổng thể số lượng các cơ sở sản xuất tăng liên tục qua các năm. Các ngành nghề chủ yếu của các cơ sở sản xuất CN-TTCN chủ yếu là: Chế biến lương thực-thực phẩm, chế biến gỗ, hàng thủ công, cơ khí nhỏ, sản xuất gạch ngói hàng tiêu dùng khác...

Bảng 2.1: Số lượng cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn Thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định giai đoạn 2008-2012

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Số lượng cơ sở	2.422	2.660	2.958	2.852	3.244

Nguồn: Niên giám thống kê Thị xã An Nhơn

Trong những năm qua, Thị xã đã tập trung chỉ đạo tiếp tục củng cố hạ tầng kỹ thuật và giải phóng mặt bằng các khu, cụm CN để mở rộng cơ sở sản xuất CN-TTCN.

2.2.2. Tình hình về đảm bảo các yếu tố nguồn lực trong Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Lao động là một trong những yếu tố quyết định năng lực sản xuất và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất CN-TTCN của Thị xã.

Theo số liệu thống kê, trình độ chuyên môn của người lao động của Thị xã như sau: Không bằng cấp chiếm 72,5 %, Sơ cấp chiếm 4,3 %, công nhân kỹ thuật 10,1 %, Trung cấp 5,7 %, Cao đẳng và đại học 7,1 % và trên đại học là 0,3 %. Như vậy, trình độ thấp, lao động thủ công với tay nghề thấp, chủ yếu được đào tạo thông qua truyền nghề, cầm tay chỉ việc.

Chính vì trình độ hạn chế mà các cơ sở sản xuất chủ yếu được quản lý theo kinh nghiệm, các chủ cơ sở thiếu tầm nhìn chiến lược, thiếu kiến thức đa phương diện.

Về vốn trong sản xuất kinh doanh: Vốn là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất CN-TTCN. Theo kết quả khảo sát để có vốn đầu tư, các cơ sở sản xuất đã huy động chủ yếu từ 3 nguồn chính: *nguồn vốn tự có, nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình của Nhà nước, nguồn vốn vay.*

Thực tế hiện nay, trình độ công nghệ có những tính chất và mức độ khác nhau. Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Thị xã có 3 loại:

+ Kỹ thuật thủ công truyền thống sản xuất hoàn toàn bằng thủ công tập trung chủ yếu ở các ngành nghề truyền thống như thủ công mỹ nghệ, đan lát, làm nón, nước mắm, đá mỹ nghệ, chạm trổ ...

+ Kỹ thuật thủ công nửa cơ khí tập trung chủ yếu ở các cụm công nghiệp của Thị xã . Loại kỹ thuật này có nghĩa là áp trên cơ sở nền thủ công truyền thống có cải tiến một số bộ phận, áp dụng cơ khí

hóa vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động.

+ Công nghệ mới: dùng năng lượng điện với hệ thống dây chuyền trong sản xuất.

Việc sử dụng công nghệ mới ở Thị xã chiếm một tỷ lệ rất thấp. Đây cũng là một trong những lý do tại sao hiện nay các sản phẩm CN-TTCN của Thị xã tạo ra có năng suất thấp, sức cạnh tranh yếu và gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, kể cả thị trường trong tỉnh và ngoài tỉnh.

2.2.3. Tình hình về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

SX CN-TTCN trong những năm gần đây do có sự quan tâm của nhà nước và địa phương nên có điều kiện để phát triển. Một trong những thay đổi rõ nét nhất là cách thức tổ chức sản xuất.

Bảng 2.5: Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Thị xã An Nhơn

Năm	DN		HTX		KDCT		Tổng
	Số lượng (cơ sở)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (cơ sở)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (cơ sở)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (cơ sở)
2009	17	0,70	12	0,49	2.391	98,80	2.420
2010	20	0,74	10	0,37	2.640	98,88	2.670
2011	23	0,78	9	0,30	2.916	98,91	2.948
2012	31	1,09	7	0,25	2.794	98,66	2.832
2013	22	0,68	6	0,19	3.206	99,13	3.234
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn (2009-2013)	6,66		-15,91		7,61		7,52

Nguồn: Xử lý, tổng hợp số liệu từ niên giám Thống kê Thị xã An Nhơn

Nhìn chung hình thức tổ chức sản xuất của CN-TTCN của Thị xã vẫn còn mang tính chất tự phát, chủ yếu là mô hình kinh tế hộ cá thể, quy mô sản xuất nhỏ bé và khép kín, bảo thủ nghề dòng họ,

gia đình hơn là tổ chức phân công sản xuất rộng hoặc sự hợp tác giữa các ngành nghề, công nghệ sản xuất thủ công.

2.2.4. Tình hình về phát triển thị trường đầu ra của sản phẩm Công nghiệp – Tiêu thủ công nghiệp

Thị trường đầu ra đã và đang là một vấn đề của các cơ sở sản xuất CN-TTCN nói riêng và của mọi doanh nghiệp sản xuất nói chung. Muốn có được lợi nhuận thì sản phẩm làm ra phải bán được và phải đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Do đó, làm sao để mở rộng thị trường, làm sao để sản phẩm do mình sản xuất ra bán được đang là bài toán nan giải đối với các cơ sở sản xuất CN-TTCN tại địa phương.

Để mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của mình các nhà sản xuất ở địa phương đã sử dụng các hình thức quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, tìm cách liên doanh với các cơ sở ở các đô thị lớn. Đây cũng là điểm khởi đầu cho việc mở rộng, tìm kiếm đầu ra của sản phẩm.

Việc tổ chức lưu thông, tiêu thụ sản phẩm CN-TTCN của Thị xã trên thị trường xuất khẩu còn nhiều khó khăn: yêu cầu chất lượng, chủng loại, mẫu mã rất khắt khe trong khi đó sản phẩm của địa phương chưa đáp ứng được; có một số sản phẩm đã được xuất khẩu nhưng mức tiêu thụ vẫn chưa nhiều; hơn nữa khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp vẫn còn yếu, một số sản phẩm muốn xuất khẩu được phải qua trung gian, hạn chế rất lớn đến tổng kim ngạch thu được.

Trong 4 hình thức bán buôn, bán lẻ, bán thông qua đại lý, và sản xuất theo đơn đặt hàng thì hình thức bán buôn và theo đơn đặt hàng là hai kênh tiêu thụ chủ yếu tại địa phương.

Như vậy, nhìn chung sản phẩm tạo ra còn đơn điệu, mẫu mã, năng suất, chất lượng sản phẩm còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu

của thị trường. Chính vì thế mà hiện nay sản phẩm của địa phương đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm cùng loại của thị trường trong nước.

Hiện nay, tại địa phương công tác quản lý, giúp đỡ người sản xuất đăng kí thương hiệu cho sản phẩm vẫn chưa được quan tâm đúng mức cho nên phần nào cũng ảnh hưởng đến sức tiêu thụ của sản phẩm trên thị trường.

Các cơ sở sản xuất thiếu vốn đầu tư, công nghệ lạc hậu, sản xuất nhỏ lẻ và phân tán, khó khăn trong mở rộng quy mô sản xuất, lao động thủ công, tay nghề thấp, nên chưa có sản phẩm “tinh”, đặc sắc tiêu biểu cho vùng, miền. Mặc dù trong những năm qua công tác xúc tiến thương mại đã được quan tâm trong việc tạo đầu ra cho sản phẩm nhưng sản phẩm vẫn khó tiếp cận thông tin thị trường, thiếu sự liên kết giữa các vùng miền, ứng dụng công nghệ mới, quảng bá, giới thiệu sản phẩm cũng còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy mà sản phẩm tạo ra khối lượng tiêu thụ rất chậm, phụ thuộc nhiều vào trung gian, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm còn yếu, sản phẩm chưa chinh phục được thị trường trong nước và đương nhiên, sẽ rất khó để cạnh tranh trên thị trường.

2.2.5. Tình hình về kết quả sản xuất kinh doanh của Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Bảng 2.6 : Giá trị sản xuất của CN-TTCN Thị xã An Nhơn giai đoạn 2009-2013

Chi tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	2012	2013
GTSX CN-TTCN	Tỷ đồng	155,832	172,215	210,567	254,658	286,492
Chỉ số phát triển	%		110,5	122,3	120,9	112,5
Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn	%	16,44				

Nguồn : xử lý, tổng hợp số liệu từ niên giám thống kê TX An Nhơn

Kết quả sản xuất tại các cơ sở CN-TTCN đã góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Thị xã . Có thể nói, với mức đóng góp ngày càng tăng, dự báo CN-TTCN vẫn tiếp tục giữ vai trò động lực trong tăng trưởng kinh tế sắp tới của Thị xã .

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

2.3.1. Những kết quả chủ yếu đã đạt được

Trong những năm qua, Thị xã An Nhơn tập trung công tác đền bù, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp. Trên thực tế bước đầu đã đem lại được kết quả khả quan. Mặc dù một số CCN trên địa bàn Thị xã mới chỉ ở giai đoạn quy hoạch và đang xây dựng nhưng đã có nhiều cơ sở đăng ký vào hoạt động.

Tranh thủ các nguồn vốn cấp trên và vốn địa phương để xây dựng hạ tầng và đào tạo nghề cho lao động; tăng cường chỉ đạo các cơ sở đẩy mạnh sản xuất, nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển CN-TTCN trên địa bàn Thị xã .

Sự phát triển của ngành công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp góp phần thúc đẩy các ngành khác phát triển theo như: ngành nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ...từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã .

Sự phát triển CN-TTCN của An Nhơn đã góp phần tạo ra khối lượng sản phẩm, các mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp của Thị xã tăng trưởng khá góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, đã góp phần quan trọng đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh trong 5 năm qua đạt 16.44% (2009-2013).

Trên khía cạnh xã hội, CN-TTCN phát triển đã góp phần ổn định đời sống, trật tự an ninh xã hội, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho nông dân trong Thị xã.

2.3.2. Những tồn tại, yếu kém

Tốc độ mở rộng sản xuất của ngành CN-TTCN không theo kịp tác động của thị trường. Đến nay, toàn Thị xã mới chỉ có 22 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp với quy mô còn hạn hẹp.

Các hoạt động sản xuất chủ yếu dựa trên mô hình hộ gia đình; các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp còn ít và hạn chế; công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp vẫn còn chậm so với nhu cầu về mặt bằng sản xuất; công tác xúc tiến đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp hiệu quả chưa cao.

Quy mô của đa số các cơ sở sản xuất còn nhỏ lẻ phân tán, manh mún, nên khó tiếp cận với nguồn vốn vay từ các ngân hàng. Công nghệ và trang thiết bị sản xuất còn lạc hậu, chủ yếu vẫn là thủ công.

Đội ngũ doanh nghiệp còn yếu (thực lực, nắm bắt thị trường, kỹ năng quản trị). Thiếu công nhân kỹ thuật lành nghề, nhiều lao động chưa được đào tạo, việc chuyển hướng đưa lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp chưa mạnh. Dự báo có khả năng sẽ thiếu lao động trầm trọng cho các dự án phát triển mới.

Sức cạnh tranh của một số sản phẩm CN-TTCN tuy có được cải thiện, nhưng nhìn chung chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm làng nghề chưa cao, năng lực cạnh tranh của sản phẩm còn thấp hơn sản phẩm cùng loại của các Thị xã, tỉnh khác trong nước.

Thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu tiêu thụ trong nước; chưa xuất khẩu được nhiều ra thị trường nước ngoài.

Vấn đề môi trường trong hoạt động sản xuất CN-TTCN tuy

có được quan tâm cải thiện, đặc biệt là trong các khu, cụm công nghiệp nhưng hiện nay môi trường tại các cụm CN vẫn còn bị ô nhiễm, sản xuất tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN TRONG THỜI GIAN ĐẾN

3.1.1. Quan điểm phát triển Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Thị xã An Nhơn phát huy nội lực, thực hiện CNH-HĐH nông nghiệp- nông thôn, xây dựng một nền kinh tế toàn diện, theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng nhanh tỷ trọng CN- TTCN- DV.

Phát triển CN-TTCN trên cơ sở kết hợp yếu tố hiện đại và yếu tố truyền thống.

Duy trì và mở rộng đầu tư phát triển sản xuất tại các làng nghề đã có theo hướng bền vững, hiện đại; nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã và khả năng cạnh tranh.

Phát triển CN-TTCN trên địa bàn trong thời gian tới theo hướng cơ bản, vững chắc, làm bước nào chắc bước nấy, không làm ồ ạt mà kém hiệu quả.

Phát triển CN-TTCN gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Lựa chọn các ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp định hướng chung và lợi thế của địa phương.

Sự phát triển của CN-TTCN cần có lộ trình phù hợp với lộ trình phát triển kinh tế xã hội.

Đến năm 2020 mục tiêu của chặng đường này là đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá. Tỷ trọng công nghiệp, thương mại dịch vụ chiếm khoảng 75% trong GDP, trong đó công nghiệp khoảng 35%.

3.1.2. Mục tiêu phát triển Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Mục tiêu phát triển KT-XH đến năm 2015 ở An Nhơn là tăng giá trị tổng sản phẩm xã hội địa phương là 12,8%.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các cụm công nghiệp để khai thác hiệu quả sử dụng đất.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, các nhà đầu tư triển khai thuận lợi dự án đầu tư trên địa bàn.

Tập trung phát triển công nghiệp, các cụm công nghiệp trên địa bàn trong thời gian tới theo hướng cơ bản, vững chắc, làm bước nào chắc bước nấy; không làm ồ ạt.

Đến năm 2015, có từ 10-15 nghìn lao động tham gia sản xuất tại các cơ sở. Đến năm 2020, có trên 20 nghìn lao động tham gia sản xuất.

Thu hút, kêu gọi từ 01 - 02 dự án đầu tư vào phát triển CN - TTCN trên địa bàn Thị xã .

Đến năm 2020, tất cả các cơ sở sản xuất phải đảm bảo có đủ hệ thống cấp điện điện năng, nước sạch và xử lý nước thải tập trung, đường giao thông nội bộ phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, bên cạnh đó là thực hiện tốt việc sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

3.2.1 Các giải pháp về xây dựng và quy hoạch cho phát triển Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Thị xã

Trong thời gian tới, để việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển CN-TTCN có hiệu quả cần chú trọng các nội dung:

Một là, cần tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Hai là, Cần hoàn thành phương án đền bù giải phóng mặt bằng cho các khu, cụm công nghiệp; tạo điều kiện cho các dự án.

Ba là, phải trung cầu ý kiến của nhân dân và công khai, minh bạch trước dân để xây dựng các khu, cụm CN hoạt động có hiệu quả.

Bốn là, cần thiết xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng-kỹ thuật để điều kiện phát triển cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN.

Năm là, quy hoạch dành quỹ đất hợp lý để hình thành các khu vực sản xuất tập trung, xa khu dân cư. Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, khu dân cư chật hẹp di dời vào các khu sản xuất tập trung; nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng bền vững.

Sáu là, rà soát bổ sung quy hoạch phát triển CN-TTCN gắn với quy hoạch xây dựng các khu sản xuất tập trung theo hướng quy hoạch chi tiết về CN-TTCN.

3.2.2. Tăng cường các nguồn lực

Với lao động cho phát triển CN-TTCN

Thứ nhất, xây dựng chiến lược, chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực..

Thứ hai, xây dựng chương trình; sắp xếp, bố trí sử dụng lao động có hiệu quả cho từng thời kỳ trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh.

Thứ ba, các cấp, các ngành và địa phương cần hỗ trợ nâng cao

năng lực quản lý, nhằm giúp cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN từng bước nâng cao năng lực tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin đại chúng cho người lao động.

Về vốn đầu tư cho phát triển CN-TTCN

Thứ nhất, Nhà nước có các chính sách nhằm hỗ trợ cung ứng vốn cho phát triển CN-TTCN, tạo môi trường đầu tư thuận lợi

Thứ hai, xây dựng một cơ cấu vốn đầu tư hợp lý: vốn đầu tư, hỗ trợ từ các cấp chính quyền.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

Thứ tư, xác định lĩnh vực ưu tiên để phân bổ vốn đầu tư

Thứ năm, xác định các ngành nghề được ưu tiên phân bổ vốn đầu tư

Thứ sáu, Các cơ sở sản xuất nên chủ động, tích cực và năng động trong việc huy động, tận dụng các nguồn lực đầu tư khác để phát triển hạ tầng cơ sở, nhất là tranh thủ các nguồn vốn trung ương thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu khác của Chính phủ...

Về khoa học công nghệ

+ Tập trung đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật theo hướng chính là hiện đại hóa từng phần, từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất.

+ Đa dạng hóa sản phẩm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

+ Ưu tiên vốn tín dụng ưu đãi đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến công nghệ.

+ Cần tạo hành lang pháp lý nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hoà giữa các bên chuyển giao.

+ Hỗ trợ, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, cơ sở:

3.2.3. Hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất

Cần đa dạng hóa các loại hình sản xuất để phát huy thế mạnh của các ngành nghề CN- TTCN.

Tổ chức sản xuất về nhóm ngành nghề theo hướng chuyên môn hoá và gắn với mô hình cụm sản xuất công nghiệp tập trung.

Cần có các giải pháp quy hoạch, xây dựng và quản lý các khu, cụm CN tập trung đồng bộ, hiện đại, có hiệu quả; xây dựng một quy trình sản xuất sản phẩm hợp lí, từ khâu nguyên liệu đầu vào đến đầu ra cho sản phẩm.

3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo các mối liên kết kinh tế

Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường đầu ra) là khâu cuối cùng trong việc quyết định đến kết quả sản xuất kinh doanh. Để các sản phẩm CN-TTCN có thể chiếm lĩnh được thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu; các cơ sở sản xuất có cơ hội phát triển mạnh hơn, mấu chốt quyết định quá trình đi lên và tạo đà để phát triển kinh tế Thị xã trong thời gian tới.

3.2.5. Hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý của nhà nước để thúc đẩy CN-TTCN phát triển

Tăng cường xây dựng và hoàn thiện một số chính sách nhằm khuyến khích, kêu gọi mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất CN – TTCN.

Hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp đặc biệt là ngành công nghiệp trọng yếu của thị xã.

Xây dựng quy chế phối hợp phân công giữa các ban, ngành,

địa phương.

Kiện toàn cơ chế hoạt động và bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của các phòng ban trong thị xã đặc biệt là phòng công thương.

Đổi mới công tác quản lý nhà nước; làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

KẾT LUẬN

Những năm gần đây, CN-TTCN thị xã An Nhơn có sự phát triển. Do vậy, thị xã đã có sự bứt phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ. Đến nay, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã An Nhơn – Bình Định đã có những bước tiến quan trọng: tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tăng nhanh, tổng giá trị sản xuất ngày càng có chiều hướng đi lên... các khu, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng tại địa phương đã bước đầu phát huy tác dụng... đã góp phần không nhỏ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội thị xã, ổn định an ninh trật tự và an toàn xã hội qua đó làm cho đời sống nhân dân trên địa bàn thị xã ngày càng được đổi mới. Thế nhưng, bên cạnh các những thành tựu, tiến bộ đã đạt được trong phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp vẫn một số tồn tại, hạn chế cần phải giải quyết ngay nếu muốn sản xuất CN-TTCN An Nhơn phát triển một cách bền vững, mở hướng vươn tầm trong tương lai. Do vậy để CN-TTCN ngày càng phát triển hơn, đạt được mục tiêu đã đề ra Thị xã cần thực hiện một cách có hệ thống và đồng bộ các giải pháp các giải pháp đã đề ra:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các chính sách hỗ trợ phát triển CN- TTCN phù hợp với giai đoạn hiện nay.

- Hỗ trợ các cơ sở ổn định thị trường truyền thống, mở rộng

thị trường mới. Xây dựng chiến lược sản phẩm gắn với chiến lược thị trường.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị theo phương châm kết hợp công nghệ tiên tiến với công nghệ thủ công truyền thống nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường...

- Tổ chức huấn luyện, đào tạo, nâng cao tay nghề trình độ quản lý của người lao động và người sử dụng lao động.

- Các tổ chức tín dụng, ngân hàng cần có biện pháp tích cực hơn trong việc cho vay đối với các hộ sản xuất, HTX, các doanh nghiệp tham gia sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực này với lãi suất thấp hơn, thủ tục vay vốn thuận lợi hơn.

- Giải quyết tốt vấn đề môi trường tại các cơ sở sản xuất đảm bảo cho phát triển bền vững.

- Việc phát triển CN-TTCN, ngoài nỗ lực của các cơ sở sản xuất cần có sự hỗ trợ từ phía nhà nước thông qua các cơ chế chính sách thuận lợi nhằm huy động và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo sự bền vững trong quá trình phát triển.

Trong quá trình làm đề tài mặc dù đã nỗ lực, cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ Quý Thầy(Cô), đồng nghiệp, bạn đọc để đề tài được hoàn thiện hơn.